TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 04/3/2022
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huê.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 04/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2021 "Về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-DS ngày 16/02/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lâm Thành T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn N, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; địa chỉ liên hệ hiện nay: 5x VB, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lâm Thành T trình bày: Anh T và chị Nguyễn Thị Kim C qua thời gian tìm hiểu, đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 10/4/2012. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân. Do vậy, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim C.

- Về con chung: Anh T và chị C có hai con chung là Lâm Văn Tr, sinh ngày 02/7/2011 và Lâm Nhã Th, sinh ngày 23/7/2013. Anh T đề nghị được nuôi dưỡng cháu Tr, giao cho chị C nuôi dưỡng cháu Th và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Chị C có bản khai đồng ý ly hôn với anh Lâm Thành T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Lâm Thành T yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Nguyên đơn anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị C.

[2] Về hôn nhân: Anh Lâm Thành T và chị Nguyễn Thị Kim C có đủ điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh T và chị C đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị C. Thôn N và UBND xã T đã có xác nhận về tình trạng mâu thuẫn của anh T và chị C. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng chị C không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng và có bản khai đồng ý ly hôn với anh T. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lâm Thành T và chị Nguyễn Thị Kim C.

[3] Về nuôi con chung: Anh T và chị C có hai con chung là Lâm Văn Tr, sinh ngày 02/7/2011 và Lâm Nhã Th, sinh ngày 23/7/2013. Anh T đề nghị được nuôi dưỡng cháu Tr, giao cho chị C nuôi dưỡng cháu Th. Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của các con chung, hiện nay cháu Tr đang được anh T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Tr có nguyện vọng được anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Th đang được chị C trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Th cũng có nguyện vọng được chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao cháu Tr cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Th cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T và chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Anh T và chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn chị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Thành T.

- *Về hôn nhân*: Anh Lâm Thành T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim C.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho anh Lâm Thành T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Văn Tr, sinh ngày 02/7/2011; giao cho chị Nguyễn Thị Kim C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Nhã Th, sinh ngày 23/7/2013; khi cháu Tr và cháu Th chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh T và chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí:* Anh Lâm Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0011543 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai, anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Kim C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (04/3/2022), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông